

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2019

Về việc tranh chấp ly hôn giữa ông Phạm
Văn K và bà Vũ Thị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương Giang

Các hội thẩm: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2019/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo quyết định xét xử số 26/2019/HNGĐ ngày 15/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1958 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng có ĐKKHKT và trú tại: Căn hộ 536 – E2 Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị H có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1982 tại UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai ông bà. Sau khi kết hôn ông bà sống tại căn hộ 536 – E2 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông hay

đi hát, thời điểm đó ông lại làm ăn thua lỗ, kinh tế gặp khó khăn. Mâu thuẫn xảy ra bà H không thông cảm lại còn hay có những lời lẽ thiếu tôn trọng và thường xuyên bằng nhiều cách gây áp lực cho ông. Bà H còn không tin tưởng, ghen tuông vô cớ, làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội của ông. Nhiều lần bà H còn đến chỗ ông làm hay đi hát để đánh ghen làm ông rất xấu hổ. Mâu thuẫn xảy ra ông đã nói chuyện với bà H, giải thích nhiều lần để bà H hiểu ông nhưng bà H cố tình không hiểu, thời gian sau ông bà không có biện pháp gì để hàn gắn, ông và bà H không thể nói chuyện được với nhau, vì cứ nói chuyện bà H lại chửi và đe dọa tinh thần ông, khiến ông rất sợ khi phải về nhà, mỗi lần về nhà ông đều ngủ không yên do bà H đe dọa, chửi làm tinh thần ông lúc nào cũng sợ hãi. Từ tháng 3/2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, ông thuê nhà ở gần đó sống, từ đó ông và bà H không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung là động sản và bất động sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các khoản nợ chung*: Ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:**

Về tình cảm: Bà và ông Phạm Văn K có tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1982 tại UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai ông bà. Sau khi kết hôn ông bà sống tại căn hộ 536 – E2 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do gần 01 năm nay ông K nói với bà là đi làm ăn nhưng thực ra ông K không đi làm ăn gì mà thường xuyên tụ tập bạn bè, chơi bời, đi hát làm thất thoát kinh tế gia đình. Sau khi biết sự việc bà đã góp ý ông K nhiều lần nhưng ông K kiên quyết không thay đổi, mỗi lần bà nói chuyện với ông K, ông K lại nghĩ bà xúc phạm ông K, từ đó ông K thường xuyên lạnh nhạt với bà, không quan tâm đến bà và gia đình. Đã từ lâu hai vợ chồng không nói chuyện, ăn cơm hay chia sẻ gì với nhau. Nay ông K có đơn đến tòa xin ly hôn, bà xác định cả hai vợ chồng đã có tuổi, bà không muốn ly hôn, nếu ông K kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh

năm 1988. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung là động sản và bất động sản:** Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông K vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Vũ Thị H. Ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- **Về con chung:** Ông K xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông và bà H có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nhà đất ở chung:** Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nợ chung:** Ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

- Về thụ lý vụ án: Căn cứ các tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, bị đơn bà Vũ Thị H trú tại căn hộ 536 – E2 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng các quy định về phân công thẩm phán, thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, thu thập chứng cứ, việc tổng đạt các thông báo, quyết định cho đương sự. Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá vụ án, căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được xác định hôn nhân giữa ông K, Bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn K, cho ông Phạm Văn K được ly hôn với bà Vũ Thị H.

Về con chung: Xác nhận ông K, bà H có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành có gia đình riêng, ông K bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Ông K, bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

Về khoản nợ chung: Ông K, bà H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Việc ông Phạm Văn K xin ly hôn với bà Vũ Thị H, bà H hiện trú tại Căn hộ 536 – E2 T, phường T, quận H, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Vũ Thị H nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn K: Ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 52 do UNND quận Hai Bà Trưng cấp ngày 23/12/1982, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của ông K bà H thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa ông bà từ lâu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, hai vợ chồng không hiểu nhau, từ đó không có sự tin tưởng dành cho nhau, mâu thuẫn xảy ra hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có sự thông cảm chia sẻ dành cho nhau, ông bà đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, do cuộc sống căng thẳng nên ông bà đã sống ly thân từ khoảng hơn một năm nay, từ khi sống ly thân ông bà không có biện pháp gì để hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà H đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H chỉ đến một lần, còn lại đều vắng

mặt không có lý do. Vì vậy việc hòa giải đoàn tụ không thành. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng nơi ông bà sinh sống, cung cấp của địa phương phù hợp với lời khai của đương sự. Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông K, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân để xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Ông K có đơn xin ly hôn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K, cho ông K được ly hôn với bà H.

Về con chung: Căn cứ lời khai của ông K, bà H và giấy khai sinh của con chung xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông K, bà H có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh năm 1988. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Ông K, bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về các khoản nợ chung: Ông K, bà H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mục 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

1. Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn K

Ông Phạm Văn K được ly hôn với bà Vũ Thị H

2. Về con chung: Xác nhận ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị H có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh năm 1983, Phạm Quang T, sinh năm 1985 và Phạm Quang T, sinh năm 1988. Các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị H không có thai chung.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về khoản nợ chung: Ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Phạm Văn K đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0004863 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàng Mai.

Nguyên đơn ông Phạm Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân TP.Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Hương Giang